kythithpt.com
Thi thử online • Luyện như thi thật

ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN

(Đề thi có 1 trang)

GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027

MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN - LỚP 8

*Thời gian làm bài: **60 phút**, không kể thời gian phát đề*

Phát hành ngày 11/10/2026

Họ và tên: .....

Số báo danh: .....

Mã đề: K8.GK1.058

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Mẫu khí oxygen O_2 có khối lượng $25,6$ g. Cho $M_{O_2} = 32$ g/mol, thể tích mol khí ở 25 °C và 1 bar là $24,79$ L/mol; $N_A = 6,022 \cdot 10^{23}$ mol^{-1}. Tính thể tích khí ở điều kiện đã cho (làm tròn đến hàng phần mười).

A. $19,8$ L **B.** $39,7$ L **C.** $17,9$ L **D.** $24,8$ L

Câu 2. Tổng khối lượng bình hở và mọi chất trước phản ứng là 576 g. $CaCO_3$ tinh khiết phản ứng hết với HCl dư; sau phản ứng khí CO_2 thoát hết, tổng cân còn $571,6$ g. Không mất nước hay chất khác. $CaCO_3 + 2HCl \rightarrow CaCl_2 + CO_2 + H_2O$ $M(CO_2) = 44$, $M(CaCO_3) = 100$, $M(CaCl_2) = 111$, $M(HCl) = 36,5$ g/mol. Tính khối lượng HCl nguyên chất đã tiêu hao.

A. 10 g **B.** $3,65$ g **C.** $7,3$ g **D.** $4,4$ g

Câu 3. Cho $M(SO_2) = 64$ g/mol và $M(He) = 4$ g/mol. Tính tỉ khối khí SO_2 so với khí He ở cùng nhiệt độ, áp suất.

A. $0,06$ **B.** $0,94$ **C.** 17 **D.** 16

Câu 4. Dung dịch có thể tích 400 mL chứa $0,32$ mol chất tan. Tính nồng độ mol theo mol/L.

A. 8 mol/L **B.** $0,8$ mol/L **C.** $1,3$ mol/L **D.** 800 mol/L

PHẦN II. TỰ LUẬN

Câu 5. Xét quy tắc viết và cân bằng phương trình hóa học.

.....

.....

.....

Câu 6. Hai phép thử cùng chất đầu và lượng chất, chỉ khác có xúc tác. Phản ứng hoàn toàn theo cùng phương trình, không phản ứng phụ; phép có xúc tác đạt mức khí cuối sớm hơn nhưng cùng thể tích cuối. Chọn kết luận về vai trò xúc tác trong phép thử.

.....

.....

.....

Câu 7. Xét thao tác cơ bản trong phòng thực hành hóa học.

.....

.....

.....